

**BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 12/2025**

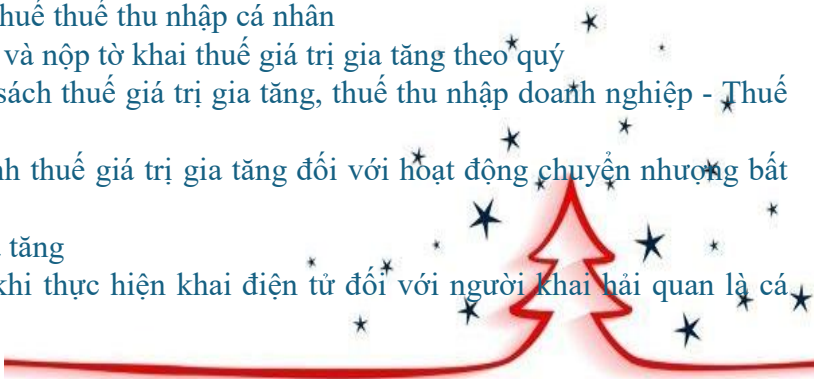


MỤC LỤC

A-VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nghị định 291/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định 104/2024/NĐ-CP quy định về Quỹ phát triển đất
2. Nghị định 310/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn
3. Thông tư 108/2025/TT-BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

B-CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

1. Công văn 4948/CT-NVT của Cục Thuế về việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án "Chuyển đổi mô hình và phương pháp quản lý thuế đối với hộ kinh doanh khi xóa bỏ thuế khoán"
 2. Công văn 17142/BTC-CT của Bộ Tài chính về việc phối hợp chỉ đạo công tác quản lý thuế đối với hộ cá nhân kinh doanh khi xóa bỏ thuế khoán từ 01/01/2026
 3. Công văn 6031/DON-QLDN1 của Thuế tỉnh Đồng Nai về việc kê khai thuế thu nhập cá nhân
 4. Công văn 3905/HYE-QLDN3 của Thuế Tỉnh Hưng Yên về việc kê khai và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quý
 5. Công văn 1922/DAN-QLDN2 của Thuế Thành phố Đà Nẵng về chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế nhà thầu nước ngoài
 6. Công văn 2499/DNA-QLDN2 của Thuế Thành phố Đà Nẵng về giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản
 7. Công văn 5282/CT-CS 2025 của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng
 8. Công văn 35829/CHQ-GSQL 2025 của Cục Hải quan về vướng mắc khi thực hiện khai điện tử đối với người khai hải quan là cá nhân
 9. Công văn 5487/CT-CS của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng
 10. Công văn 5485/CT-CS của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng
- 

A - VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC



Ngày 6/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 291/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định 104/2024/NĐ-CP quy định về Quỹ phát triển đất.

Giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất bổ sung xuống còn 3,6%/năm

Tại điểm d khoản 18 Điều 1 Nghị định 291/2025/NĐ-CP sửa đổi khoản 2 Điều 50 Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định chuyển tiếp đối với tiền sử dụng đất khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực. Theo đó:

Tại điểm d khoản 18 Điều 1 Nghị định 291/2025/NĐ-CP sửa đổi khoản 2 Điều 50 Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định chuyển tiếp đối với tiền sử dụng đất khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực. Theo đó:

Khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024 được tính bằng mức thu 3,6%/năm tính trên số tiền sử dụng đất phải nộp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024

Đồng thời, điểm đ khoản 19 Nghị định 291/2025/NĐ-CP sửa đổi khoản 9 Điều 51 Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định chuyển tiếp đối với thu tiền thuê đất như sau:

Trường hợp đã có quyết định cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho phép chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hằng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Đất đai 2024 có hiệu lực thi hành nhưng chưa quyết định giá đất để tính tiền thuê đất thì thực hiện tính và thu tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024.

Khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024 được tính bằng mức thu 3,6%/năm tính trên số tiền thuê đất phải nộp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024

Trước đó, Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024 được tính bằng mức thu 5,4%/năm tính trên số tiền thuê đất phải nộp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024.

Như vậy, từ 06/11/2025, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bổ sung từ 5,4%/năm còn 3,6%/năm đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất.



Ngày 02/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 310/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong đó có nội dung về mức xử phạt hành vi không lập hóa đơn.

Mức xử phạt hành vi không lập hóa đơn theo quy định từ 16/01/2026

Theo đó, hành vi không lập hóa đơn theo quy định bị xử phạt như sau:

(1) Phạt cảnh cáo đối với hành vi không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa 01 số hóa đơn;

(2) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định 01 số hóa đơn;

(3) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn;



(4) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

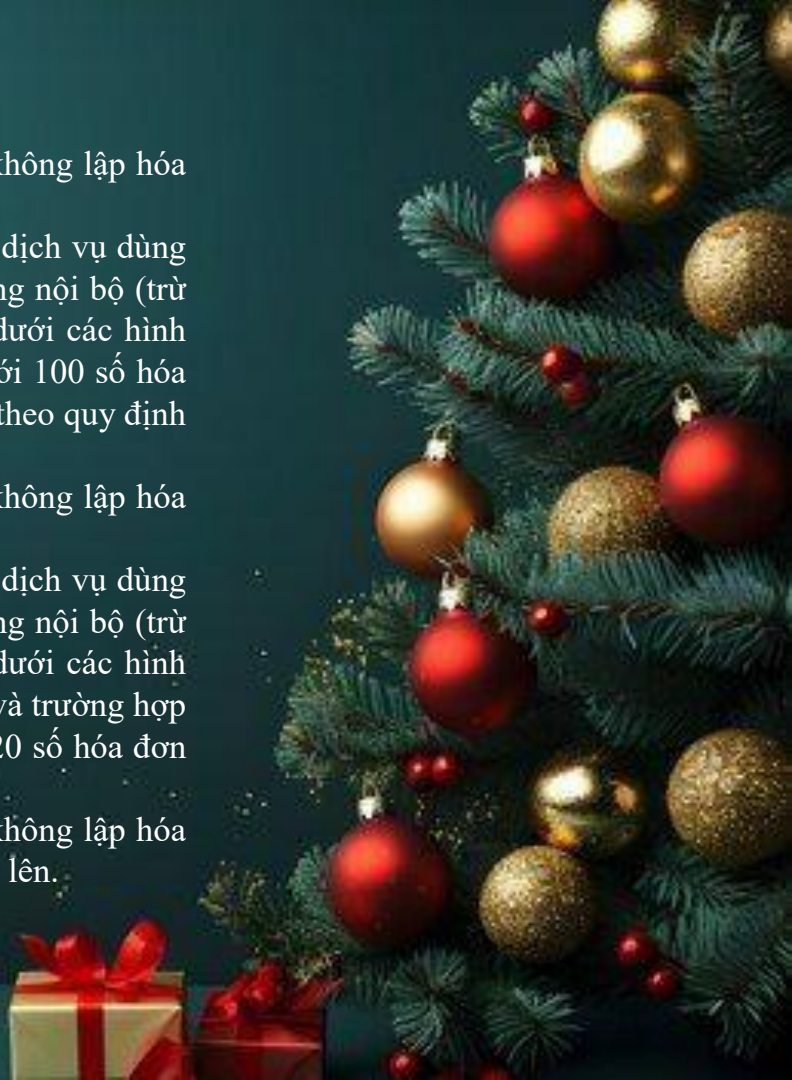
Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn;

(5) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn;

(6) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 50 số hóa đơn trở lên.

Nghị định 310/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/01/2026.



Ngày 14/11/2025 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư 108/2025/TT-BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp, theo đó:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của bộ, ngành, địa phương theo Thông tư này không bao gồm số liệu của Quỹ Bảo hiểm xã hội, Quỹ Bảo hiểm y tế và Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.
- Nếu pháp luật chuyên ngành quy định khác, việc lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định chuyên ngành vẫn phải bảo đảm tuân thủ yêu cầu, nguyên tắc, thời hạn, nơi nhận và trách nhiệm lập báo cáo theo Thông tư 108/2025/TT-BTC.
- Việc xác định đơn vị kế toán cấp trên phải lập báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại, bao gồm cả trường hợp đơn vị kế toán trực thuộc là đơn vị dự toán cấp I, không phụ thuộc vào việc xác định đơn vị dự toán.

Thông tư áp dụng cho các đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp như: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức, đơn vị có liên quan. Ngoài ra, các cơ quan, tổ chức không thuộc đối tượng bắt buộc vẫn có thể áp dụng Thông tư để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 4 Thông tư 108/2025/TT-BTC quy định mục đích của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Phục vụ mục đích chung, lập theo cơ sở kế toán dồn tích; cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, luồng tiền của đơn vị kế toán cấp trên cho cơ quan tài chính và các cơ quan có thẩm quyền. Báo cáo là nguồn dữ liệu đầy đủ, tin cậy giúp đánh giá nguồn lực, khả năng hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Tăng cường minh bạch, công khai tài chính, hỗ trợ đánh giá hiệu quả tiếp nhận và sử dụng nguồn lực trong năm tài chính, từ đó giúp cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định kịp thời về phân bổ nguồn lực.
- Trường hợp cần sử dụng báo cáo cho mục đích cụ thể khác, người sử dụng phải tự đánh giá mức độ phù hợp của thông tin. Cơ quan sử dụng báo cáo không được yêu cầu điều chỉnh số liệu cho các mục đích ngoài quy định của Thông tư.



B - CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP



Ngày 5/11/2025 Cục Thuế ban hành công văn 4948/CT-NVT về việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án "Chuyển đổi mô hình và phương pháp quản lý thuế đối với hộ kinh doanh khi xóa bỏ thuế khoán", theo đó:

Phân nhóm sơ bộ theo dữ liệu hộ kinh doanh

Căn cứ cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý, thực hiện phân nhóm hộ kinh doanh như sau:

- Nhóm 1: Hộ kinh doanh cần hỗ trợ trực tiếp/ hoặc trực tuyến (chưa đăng ký sử dụng Etax Mobile, chưa kê khai điện tử, chưa đầy đủ thông tin định danh: CCCD, địa chỉ, số điện thoại);

- Nhóm 2: Hộ kinh doanh cơ bản sẵn sàng tự chuyển đổi (đã sử dụng Etax Mobile, đã kê khai và nộp thuế điện tử);

Nhóm 3: Các trường hợp hộ kinh doanh mới đăng ký kinh doanh/đăng ký thuế.

Các hộ kinh doanh thuộc: (i) Nhóm 1, thực hiện khảo sát trực tiếp/hoặc trực tuyến; (ii) Nhóm 2, có thể khảo sát trực tuyến để nắm bắt thêm mong muốn của hộ kinh doanh và Ngưỡng doanh thu dự kiến; và (iii) Nhóm 3, lập danh sách

theo dõi riêng để thực hiện khảo sát và tuyên truyền hướng dẫn về chủ trương xóa bỏ thuế khoán để hộ kinh doanh tiếp cận và xác định phương pháp tính thuế phù hợp với doanh thu theo phát sinh thực tế.



Ngày 4/11/2025 Bộ Tài chính ban hành Công văn 17142/BTC-CT về việc phối hợp chỉ đạo công tác quản lý thuế đối với hộ cá nhân kinh doanh khi xóa bỏ thuế khoán từ 01/01/2026, theo đó:

Tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ cho hộ, cá nhân kinh doanh trong quá trình tiếp cận chuyển đổi.

- Chính quyền địa phương, các Sở, ban, ngành cùng phối hợp với cơ quan thuế tổ chức các chương trình hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi theo hình thức “cầm tay chỉ việc” và phổ biến kỹ năng số cho hộ kinh doanh, bao gồm: hướng dẫn sử dụng ứng dụng eTax Mobile, các dịch vụ thuế điện tử để đăng ký, kê khai và nộp thuế, cài đặt và sử dụng phần mềm hóa đơn, kế toán, tra cứu và phản hồi thông tin trên Bản đồ số hộ kinh doanh, giải đáp vướng mắc tại chỗ; tổ chức chương trình hỗ trợ phù hợp theo từng đặc tính của nhóm hộ kinh doanh, hoặc bố trí bàn hỗ trợ tại các chợ, phố thương mại...

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ cho hộ kinh doanh trong việc đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử. Các cơ quan chức năng có liên quan tại địa phương, Ủy ban nhân xã, phường chủ động triển khai phối hợp với cơ quan thuế trong việc rà soát các đối tượng thuộc diện đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Trong đó, nghiên cứu các phương án hỗ trợ về tài chính cho các hộ, cá nhân kinh doanh còn khó khăn trong việc áp dụng giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền do chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, giải pháp xuất hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, để người nộp thuế đảm bảo điều kiện thực hiện áp dụng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 88/CĐ-TTg ngày 12/06/2025.

Đồng thời, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn cung cấp miễn phí hoặc giảm giá thành các sản phẩm phần mềm bán hàng, phần mềm hóa đơn điện tử, chữ ký số... tạo điều kiện tối đa cho các hộ kinh doanh chuyển đổi thành công, tạo tiền đề cho việc triển khai xóa bỏ thuế khoán kể từ năm 2026 theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Ngày 7/11/2025 Cục Thuế tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn 6031/DON-QLDN1 về việc kê khai thuế thu nhập cá nhân, theo đó:

Trường hợp chuyên gia nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài thì cá nhân trực tiếp khai thuế theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cá nhân kê khai thuế theo mẫu 02/KK-TNCN - Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế).

Đối với nguồn thu nhập phát sinh tại Việt Nam, Công ty căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của chuyên gia nước ngoài ghi trên Hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế) theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC, Công ty kê khai thuế theo mẫu 05/KK-TNCN - Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công).

Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công tại hai nơi trở lên bao gồm cả trường hợp vừa có thu nhập thuộc diện khai trực tiếp, vừa có thu nhập do tổ chức chi trả đã khấu trừ thì cá nhân này thuộc đối tượng phải trực tiếp khai quyết toán thuế với cơ quan thuế khi đến hạn quyết toán thuế TNCN theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.





Ngày 31/10/2025 Cục Thuế tỉnh Hưng Yên ban hành Công văn 3905/HYE-QLDN3 về việc kê khai và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quý, theo đó:

Doanh nghiệp chế xuất không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hoạt động sản xuất để xuất khẩu nên không phải kê khai thuế GTGT với cơ quan thuế cho hoạt động này.

Doanh nghiệp chế xuất phải hạch toán riêng giao dịch mua hàng từ nội địa để xuất khẩu (hoặc giao dịch nhập khẩu hàng để bán vào nội địa - gọi chung là quyền xuất nhập khẩu) và thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế nội địa để kê khai nộp thuế GTGT riêng đối với hoạt động này (quyền xuất nhập khẩu).

Doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế GTGT theo tháng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trường hợp doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì được lựa chọn khai thuế GTGT theo quý.

Ngày 15/10/2025 Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng ban hành Công văn 1922/DAN-QLDN2 về chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế nhà thầu nước ngoài, theo đó:

Trường hợp Chi nhánh áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế có ký kết hợp đồng với các Nhà thầu nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thông qua các nền tảng số theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư 80/2021/TT-BTC thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài, mức thuế suất áp dụng trong trường hợp này là 10% kể từ thời điểm Luật thuế GTGT có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 theo quy định tại khoản 4 điều 4 và khoản 3 điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.

Về thuế TNDN đối với Nhà thầu nước ngoài vẫn thực hiện theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam đến khi có văn bản hướng dẫn thay thế.



Ngày 17/11/2025 Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng ban hành Công văn 2499/DNA-QLDN2 về giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, theo đó:

Trường hợp Công ty nhận chuyển nhượng bất động sản là quyền sử dụng đất của các cá nhân để thực hiện dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán thì khi chuyển nhượng nhà, căn hộ, giá tính thuế giá trị gia tăng là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng trừ (-) giá đất được trừ tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng. Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước của khu đất, thửa đất nhận chuyển nhượng, không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng.

Trường hợp Công ty xây dựng nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư để bán thì giá đất được trừ tính cho 01 m² nhà để bán được xác định bằng giá đất được trừ nêu trên chia (:) số m² sàn xây dựng không bao gồm diện tích dùng chung như hành lang, cầu thang, tầng hầm, công trình xây dựng dưới mặt đất.

Công ty cần có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh số tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước đã nộp. Trường hợp công ty không xác định được tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng chưa có thuế giá trị gia tăng.

Ngày 18/11/2025 Cục Thuế ban hành Công văn 5282/CT-CS 2025 về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó:

Trường hợp người nộp thuế đang áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn mà có văn bản đề nghị sử dụng hóa đơn và thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh theo quy định thì cơ quan thuế thực hiện cấp hóa đơn có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh. Người nộp thuế tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được cơ quan thuế cấp mã. Về việc cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP nêu trên.

Trường hợp đang áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn mà người nộp thuế có văn bản đề nghị sử dụng hóa đơn để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì cơ quan thuế tiếp tục cho người nộp thuế sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh với điều kiện người nộp thuế phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 34 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP nêu trên.

Ngày 14/11/2025 Cục Hải quan ban hành Công văn 35829/CHQ-GSQL 2025 về vướng mắc khi thực hiện khai điện tử đối với người khai hải quan là cá nhân, theo đó:

Đối với vướng mắc về mã số thuế cá nhân khi thực hiện khai tờ khai điện tử:

Hiện nay, những người nộp thuế đã thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế có thể thực hiện khai tờ khai hải quan trên hệ thống VNACCS với mã số thuế là mã căn cước công dân; những người nộp thuế chưa đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì không thể trực tiếp thực hiện đăng ký tờ khai hải quan trên hệ thống VNACCS mà có thể thông qua các đại lý làm thủ tục hải quan để thực hiện việc khai hải quan.

Đối với trường hợp những người nộp thuế chưa thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế (hoặc cá nhân là người nước ngoài không có mã định danh cá nhân), đề nghị Chỉ cục Hải quan khu vực II hướng dẫn người khai hải quan đăng ký thuế với cơ quan thuế hoặc thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.



Ngày 25/11/2025 Cục Thuế ban hành Công văn 5487/CT-CS về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó:

Đối với thanh toán trả chậm, trả góp hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên, trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng; trường hợp sau khi đã kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh nghiệp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp thực hiện kê khai khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

Ngày 25/11/2025 Cục Thuế ban hành Công văn 5485/CT-CS về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó:

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh phải lập hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng riêng cho dự án đầu tư; đồng thời phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện cùng kỳ tính thuế. Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.



Ngày 25/11/2025 Cục Thuế ban hành Công văn 5489/CT-CS về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó:

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ. Trường hợp cơ sở kinh doanh trong tháng, quý vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế.



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin trên Bản tin của Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Bản tin này nhằm chuyển tới Quý vị các thông tin khái quát không bao gồm toàn bộ các nội dung cụ thể có liên quan và không được sử dụng như các thông tin tư vấn cụ thể. Các tổ chức, cá nhân nếu muốn áp dụng các quy định khái quát trong tài liệu này vào trường hợp cụ thể nào đó đều cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi. Do vậy, Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM sẽ không chịu bất cứ thiệt hại do kết quả của việc người đọc chỉ dựa vào các thông tin khái quát trong tài liệu này.

Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản, Phường Cửa Nam,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

VP. Đại diện

Tầng 3, tòa B Cao ốc Văn phòng VG
Building, 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

CN. Miền Nam

Tầng 4, Cao ốc Văn phòng Hoàng Anh
Safomec, 7/1 Thành Thái, P. Diên Hồng,
TP. Hồ Chí Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959